

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU MIỀN TÂY**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều,
Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1800512175 ngày 18/06/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 30/07/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 302.467.400.000 đồng chia thành 30.246.740 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vũ Lộc	Thành viên
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên
Bà Ninh Thanh Xuân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 31/07/2021 theo Nghị quyết số 077/2021/NQ-HĐQT ngày 30/07/2021)
Ông Nguyễn Vũ Lộc	Cựu Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/07/2021 theo Nghị quyết số 067/2021/NQ-HĐQT ngày 30/07/2021)
Ông Bùi Đức Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 15/04/2021 theo Nghị quyết số 04.4/2021/NQ-HĐQT ngày 12/04/2021)
Ông Trần Tấn Long Thạch	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Bà Đào Thị Hải Yến	Trưởng ban
Bà Trần Thị Minh Phương	Thành viên
Ông Huỳnh Minh Tâm	Thành viên

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và cho đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ sách kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Số: 09/2022/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 21/01/2022, từ trang 06 đến trang 40 bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên các xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn nhấn mạnh

Quyền sử dụng đất là giá trị nhận góp vốn của Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ từ tháng 06/2003 nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên cho Công ty (vẫn đang đứng tên Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ). Hiện tại, hai bên vẫn đang tiến hành các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc cập nhật tên chủ sở hữu là tên Công ty trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty chưa phân bổ chi phí đối với Quyền sử dụng đất có thời hạn này

Vấn đề nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến của kiểm toán viên.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 0294-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Thị Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 4710-2019-112-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU MIỀN TÂY**

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
Ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		239.641.503.179	225.325.974.402
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.212.331.181	13.427.869.197
Tiền	111		8.212.331.181	13.427.869.197
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	123.696.000.000	130.277.600.000
Chứng khoán kinh doanh	121		56.000.000.000	63.699.600.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		67.696.000.000	66.578.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.453.041.569	32.602.420.884
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	47.211.074.149	25.089.119.087
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.245.474.453	3.416.730.919
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	700.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	10.296.492.967	4.096.570.878
Hàng tồn kho	140	12	42.757.457.174	42.208.610.034
Hàng tồn kho	141		45.086.138.133	42.208.610.034
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.328.680.959)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.522.673.255	6.809.474.287
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.614.943.766	2.738.726.679
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.907.729.489	4.070.747.608
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		236.137.982.207	256.519.590.016
Các khoản phải thu dài hạn	210		19.200.000	19.200.000
Phải thu dài hạn khác	216	10	19.200.000	19.200.000
Tài sản cố định	220		81.668.732.605	92.256.082.799
Tài sản cố định hữu hình	221	14	71.011.585.164	81.345.043.930
- Nguyên giá	222		174.210.261.368	171.366.609.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(103.198.676.204)	(90.021.565.587)
Tài sản cố định vô hình	227	15	10.657.147.441	10.911.038.869
- Nguyên giá	228		10.974.511.726	10.974.511.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(317.364.285)	(63.472.857)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.052.984.654	19.199.914.458
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	10.052.984.654	19.199.914.458
Đầu tư tài chính dài hạn	250	11	143.998.788.161	142.936.604.022
Đầu tư vào công ty con	251		68.600.000.000	68.600.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		80.000.000.000	80.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.601.211.839)	(5.663.395.978)
Tài sản dài hạn khác	260		398.276.787	2.107.788.737
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	398.276.787	2.107.788.737
TỔNG TÀI SẢN	270		475.779.485.386	481.845.564.418

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU MIỀN TÂY**

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
Ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		39.941.356.901	63.615.895.232
Nợ ngắn hạn	310		39.941.356.901	63.615.895.232
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	6.061.967.254	5.266.672.675
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	1.907.613.115	756.767.725
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.065.395.945	3.552.223.671
Phải trả người lao động	314		8.343.594.902	11.388.656.625
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.849.346.855	1.920.516.675
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	1.194.010.218	1.696.615.763
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	16.321.332.000	37.262.396.500
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.198.096.612	1.772.045.598
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	22	435.838.128.485	418.229.669.186
Vốn chủ sở hữu	410		435.838.128.485	418.229.669.186
Vốn góp của chủ sở hữu	411		302.467.400.000	299.998.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		302.467.400.000	299.998.400.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.428.661.105	5.428.661.105
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.942.067.380	112.802.608.081
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		109.614.721.867	93.228.760.896
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.327.345.513	19.573.847.185
TỔNG NGUỒN VỐN	440		475.779.485.386	481.845.564.418



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

Cao Thi Thi
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU MIỀN TÂY**

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
Ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	279.239.192.119	293.287.966.811
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	297.573.976	957.602.669
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		278.941.618.143	292.330.364.142
Giá vốn hàng bán	11	25	226.708.984.629	232.160.401.572
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.232.633.514	60.169.962.570
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	12.419.583.954	2.651.184.286
Chi phí tài chính	22	27	430.940.058	1.224.677.161
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		652.880.548	503.867.902
Chi phí bán hàng	25	28	29.399.713.069	26.172.559.146
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	12.046.621.121	12.731.467.791
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.774.943.220	22.692.442.758
Thu nhập khác	31	30	124.316.948	651.615.526
Chi phí khác	32		5.569.986	4.348.478
Lợi nhuận khác	40		118.746.962	647.267.048
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.893.690.182	23.339.709.806
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	4.566.344.669	3.765.862.621
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.327.345.513	19.573.847.185



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

Cao Thi Thi
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU MIỀN TÂY**

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
Ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	22.893.690.182	23.339.709.806
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	15.024.792.152	14.888.490.673
Các khoản dự phòng	03	1.266.496.820	(189.257.680)
Lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(406.442.290)	40.461.753
Lãi hoạt động đầu tư	05	(3.394.738.136)	(2.056.796.510)
Chi phí lãi vay	06	652.880.548	503.867.902
Các điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	36.036.679.276	36.526.475.944
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(23.431.813.512)	(15.741.263.214)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.603.136.398	(12.893.297.524)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.788.689.189)	(6.133.527.082)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.833.294.863	1.771.864.476
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	7.699.600.000	25.400.000.000
Tiền lãi vay đã trả	14	(657.849.190)	(495.098.436)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.947.604.659)	(1.120.933.443)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	122.500.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(428.835.200)	(342.111.672)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.040.418.787	26.972.109.049
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.755.049.942)	(5.326.101.524)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	35.000.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(39.700.000.000)	(68.900.247.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	37.882.000.000	3.092.247.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(10.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	23.680.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	722.113.826	387.202.199
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.815.936.116)	(57.566.899.325)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU MIỀN TÂY**

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
Ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	13.500.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	118.908.826.069	103.325.235.372
Tiền trả nợ gốc vay	34	(139.330.847.375)	(66.062.838.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.408.521.306)	37.262.396.500
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(5.184.038.635)	6.667.606.224
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.427.869.197	6.761.840.053
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(31.499.381)	(1.577.080)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	8.212.331.181	13.427.869.197



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 25 tháng 01 năm 2022

Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

Cao Thi Thi
Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU MIỀN TÂY**

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 1800512175 ngày 18/06/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 30/07/2021.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 302.467.400.000 đồng chia thành 30.246.740 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính của Công ty tại: Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2021 là 601 người (tại 31/12/2020 là 648 người).

1.2 LĨNH VỰC VÀ NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Chế biến và bảo quản rau củ;
- Bán buôn thực phẩm (trừ kinh doanh thịt động vật thuộc danh mục cấm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ kinh doanh động vật thuộc danh mục cấm);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ đóng gói;
- Hoạt động kinh doanh hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Trồng cây, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Trồng cây ăn quả;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Chế biến và bảo quản rau quả đông lạnh và trái cây đóng lon.

1.3 CHU KỲ KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU MIỀN TÂY**

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Các công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các Công ty con và Công ty liên kết chi tiết như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Hậu Giang	98,00%	98,00%	Chế biến nông sản
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Cần Thơ	42,11%	42,11%	Kinh doanh hạt giống

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

2.3 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2.4 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

2.5 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung ở các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp số 10 thông qua ngày 20/11/2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại điều 28 – Đánh giá và ghi nhận Theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Như đã trình bày ở trên, Luật kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này, theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính (trừ các khoản đầu tư dài hạn khác, đầu tư vào công ty con) được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý theo cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các thuyết minh;
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b,c nêu trên) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua bán chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán có giá trị thị trường bị giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Đối với cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá trị hợp lý là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (Upcom) thì giá trị hợp lý được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập Báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch trên thị trường, Công ty không đánh giá giá trị hợp lý do không có đủ thông tin.

Tăng, giảm số trích lập dự phòng cần phải ghi nhận/hoàn nhập được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập dựa theo các quy định hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập dựa theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư.

Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

- Công ty liên doanh: Là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.
- Công ty liên kết: Là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được trích lập như sau

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo, Công ty trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác căn cứ vào lỗ trên Báo cáo tài chính của đơn vị được đầu tư, trường hợp đơn vị được đầu tư có công ty con, căn cứ trích lập là Báo cáo tài chính hợp nhất. Việc bổ sung/hoàn nhập dự phòng trích lập trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng vào chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 20
- Máy móc, thiết bị	03 - 12
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 12
- Súc vật, vườn cây lâu năm	05

3.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài không trích khấu hao.

3.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được sử dụng giống như các tài sản hác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ chờ phân bổ. Các chi phí được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

3.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá trị phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

3.13 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

3.14 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng Thương mại tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3.15 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.15 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu bán hàng

Được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định một cách tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- (e) Xác định được các giao dịch liên quan đến bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và
- (d) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là cổ tức, lợi nhuận được chia từ các đơn vị mà Công ty tham gia góp vốn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.16 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.17 THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị số thuế thu nhập hiện hành và số thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

3.15 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Thuế TNDN của hoạt động chế biến từ nông sản có thuế suất là 15%. Các hoạt động còn lại có thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi: Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định về thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.18 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM
XUẤT KHẨU MIỀN TÂY**

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	56.089.981	67.876.371
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.156.241.200	13.359.992.826
	8.212.331.181	13.427.869.197

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phở Việt	3.127.011.200	2.407.691.520
- Tradex Asia Limited	2.470.010.416	2.862.789.800
- Aeon Topvalu Co.,Ltd	-	2.585.955.170
- Dole Korea Co.,Ltd	7.343.057.600	1.487.346.915
- Foodnet Limited	-	609.275.750
- Entyce Food Ingredient PTY LTD	1.007.932.800	3.018.506.400
- FSL Food Co.,LTD	2.874.374.400	2.940.417.750
- Crop'S Fruits NV	2.676.387.600	3.332.012.750
- Mercer Foods	6.142.684.800	-
- Nguyễn Trí Dũng	9.796.800.000	-
- Các khách hàng khác	11.772.815.333	5.845.123.032
	47.211.074.149	25.089.119.087

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	2.245.474.453	3.416.730.919
- KRONEN GmbH	-	1.106.220.635
- S.A.S Internet Liberty Of Commerce	135.404.047	215.648.550
- Asia Chemical Corporation PET LTD	-	741.855.996
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Châu Hải An	488.500.000	65.937.000
- Công Ty TNHH TS FOOD VN	228.816.000	-
- TOTAI CO., LTD.	463.732.889	-
- Các nhà cung cấp khác	929.021.517	1.287.068.738
Dài hạn	-	-
	2.245.474.453	3.416.730.919

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công Ty Cổ Phần WESTFOOD Hậu Giang (*)	700.000.000	-
	<u>700.000.000</u>	<u>-</u>

(Phải thu về cho vay là các bên liên quan được thuyết minh chi tiết tại mục số 33).

Khoản cho Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang vay theo Hợp đồng cho vay số 10-19032021 ngày 19/03/2021. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày 19/03/2021, lãi suất cho vay là 4,6%/năm. Tiền gốc và toàn bộ lãi phát sinh từ ngày 18/03/2021 sẽ được thanh toán một lần vào ngày thanh lý hợp đồng.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a. Ngắn hạn**

	Công cụ dụng cụ xuất dùng	Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà máy	Chi phí thuê đất xưởng Thạch Dừa	Chi phí chuyển giao công nghệ dự án Thạch Dừa	Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	480.016.957	168.314.985	190.080.000	1.363.043.581	537.271.156	2.738.726.679
Tăng trong năm	416.969.626	-	259.200.000	-	1.520.042.640	2.196.212.266
Phân bổ trong năm	745.517.786	168.314.985	254.880.000	272.608.716	1.878.673.692	3.319.995.179
Số dư cuối năm	<u>151.468.797</u>	<u>-</u>	<u>194.400.000</u>	<u>1.090.434.865</u>	<u>178.640.104</u>	<u>1.614.943.766</u>

b. Dài hạn

	Công cụ dụng cụ xuất dùng	Chi phí sửa chữa, cải tạo nhà máy	Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	Chi phí chuyển giao công nghệ dự án Thạch dừa	Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	427.332.818	834.203.460	572.049.918	-	274.202.541	2.107.788.737
Tăng trong năm	142.606.543	-	-	-	-	142.606.543
Phân bổ trong năm	445.158.638	834.203.460	445.977.579	-	126.778.816	1.852.118.493
Số dư cuối năm	<u>124.780.723</u>	<u>-</u>	<u>126.072.339</u>	<u>-</u>	<u>147.423.725</u>	<u>398.276.787</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. PHẢI THU KHÁC

10.1 PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Phải thu khác	5.579.997.974	-	2.052.700.195	-
- Tạm ứng	160.064.068	-	139.010.455	-
- Phải thu khác	5.419.933.906	-	1.913.689.740	-
+ Bảo hiểm xã hội	13.497.101	-	13.528.476	-
+ Bảo hiểm y tế	10.860.795	-	5.974.219	-
+ Bảo hiểm thất nghiệp	71.530	-	1.686.550	-
+ Các khoản phải thu khác	5.395.504.480	-	1.892.500.495	-
Nguyễn Thiện Ân	4.304.953.900	-	1.005.110.900	-
Phải thu khác	1.090.550.580	-	887.389.595	-
b. Phải thu khác là các bên liên quan	4.716.494.993	-	2.043.870.683	-
+ Lãi dự thu khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4.716.494.993	-	2.043.870.683	-
(Xem thuyết minh số 11)				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	4.685.354.993	-	2.043.870.683	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản F.I.T	5.732.877	-	-	-
Công Ty Cổ Phần WESTFOOD Hậu Giang	25.407.123	-	-	-
	10.296.492.967	-	4.096.570.878	-

10.2 PHẢI THU KHÁC DÀI HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	19.200.000	-	19.200.000	-
	19.200.000	-	19.200.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
a) Chứng khoán kinh doanh	56.000.000.000		-	63.699.600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Hoa Sen Việt Nam	-	(*)	-	43.699.600.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Trống Đồng (1)	36.000.000.000	(*)	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nông sản Hưng Yên (2)	20.000.000.000	(*)	-	20.000.000.000

(1) Tại 31/12/2021, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trống Đồng với số tiền 36.000.000.000 đồng tương ứng 2.400.000 Cổ phần.

(2) Tại 31/12/2021, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nông sản Hưng Yên với số tiền 20 tỷ đồng tương ứng 2.000.000 Cổ phần.

(*) Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	67.696.000.000	67.696.000.000	66.578.000.000	66.578.000.000
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam (i)	67.696.000.000	67.696.000.000	66.578.000.000	66.578.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Bất Động Sản F.I.T (ii)	67.196.000.000	67.196.000.000	66.578.000.000	66.578.000.000
	500.000.000	500.000.000	-	-

(i) Gồm các hợp đồng Hợp tác đầu tư sau:

- Khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn với số tiền là 3.978.000.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam có số Hợp đồng là 01-25062020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 25 tháng 06 năm 2020, Phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư số PL01/01-25062020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 25/12/2020, PLGH02/01-25062020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 25/12/2020 và PLGH02/01-25062020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 25/03/2021; có kỳ hạn 06 tháng, với mức lợi nhuận cố định 4,5%/năm, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam. Tiền lợi nhuận phát sinh từ ngày 25/03/2021 sẽ được thanh toán một lần vào ngày thanh lý hợp đồng.
- Khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn với số tiền là 10.000.000.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam có số Hợp đồng là 01-26062020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 26 tháng 06 năm 2020, Phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư số PLGH01/01-26062020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 26/12/2021 và PLGH02/01-26062020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 26/03/2021; có thời gian hợp tác là 06 tháng kể từ ngày ký Phụ lục Hợp đồng số 02 đến ngày 26/09/2021 với mức lợi nhuận cố định 4,5%/năm.
- Khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn với số tiền là 10.000.000.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam có số Hợp đồng là 01-30072020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 30 tháng 07 năm 2020, Phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư số PLGH01/01-30072020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 30/01/2021 và PLGH02/01-30072020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 30/07/2021; có thời gian hợp tác là 06 tháng kể từ ngày ký Phụ lục Hợp đồng số 02 đến ngày 30/01/2022 với mức lợi nhuận cố định 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- Khoản năm giữ đến ngày-đáo hạn với số tiền là 9.100.000.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam có số Hợp đồng là 01-30102020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 30 tháng 10 năm 2020 và Phụ lục Hợp đồng hợp tác đầu tư số PLGH01/01-30102020/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 30/04/2021; có thời gian hợp tác được gia hạn thêm 06 tháng kể từ ngày ký Phụ lục Hợp đồng gia hạn 01 đến ngày 30/10/2021 với mức lợi nhuận cố định 4,5%/năm.
- Khoản năm giữ đến ngày-đáo hạn với số tiền là 33.500.000.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam có số Hợp đồng là 01-15062021/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 15 tháng 06 năm 2021; có kỳ hạn 12 tháng, với mức lợi nhuận cố định 4,5%/năm, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam. Tiền lợi nhuận phát sinh từ ngày 15/06/2021 sẽ được thanh toán một lần vào ngày thanh lý hợp đồng.
- Khoản năm giữ đến ngày-đáo hạn với số tiền là 5.000.000.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam có số Hợp đồng là 01-30072021/HTDT/WFC-FITTRADING ngày 30 tháng 07 năm 2021; có kỳ hạn 12 tháng, với mức lợi nhuận cố định 4,5%/năm, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam. Tiền lợi nhuận phát sinh từ ngày 30/07/2021 sẽ được thanh toán một lần vào ngày thanh lý hợp đồng.

(ii) Gồm các hợp đồng Hợp tác đầu tư sau:

- Khoản năm giữ đến ngày-đáo hạn với số tiền là 500.000.000 đồng theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T có số Hợp đồng là 01-30092021/HTDT/WFC-FITLAND ngày 30 tháng 09 năm 2021; có kỳ hạn 12 tháng, với mức lợi nhuận cố định 4,5%/năm, không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T. Tiền lợi nhuận phát sinh từ ngày 30/09/2021 sẽ được thanh toán một lần vào ngày thanh lý hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	148.600.000.000	(4.601.211.839)	148.600.000.000	(5.663.395.978)
Đầu tư vào công ty con	68.600.000.000	(1.514.547.518)	68.600.000.000	(1.514.547.518)
- Công ty Cổ phần Westfood	68.600.000.000	(*)	68.600.000.000	(*)
Hậu Giang (i)				
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	80.000.000.000	(3.086.664.321)	80.000.000.000	(4.148.848.460)
- Công ty Cổ phần	80.000.000.000	(*)	80.000.000.000	(*)
Hạt giống TSC (ii)				

(i) Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300265343 đăng ký lần đầu ngày 14/09/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp. Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến, bảo quản rau củ, trồng cây ăn quả, sản xuất đồ uống.

(ii) Công ty Cổ phần Hạt Giống TSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801361391 đăng ký lần đầu ngày 08/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp. Công ty hoạt động trong lĩnh vực nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.

(*) Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	45.086.138.133	(2.328.680.959)	42.208.610.034	-
- Nguyên liệu, vật liệu	31.601.676.146	(2.328.680.959)	24.992.283.294	-
- Công cụ, dụng cụ	190.082.483	-	158.090.273	-
- Thành phẩm	13.095.328.335	-	16.858.574.992	-
- Hàng hóa	199.051.169	-	199.661.475	-
	45.086.138.133	(2.328.680.959)	42.208.610.034	-

13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỒI DANG DÀI HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dài hạn	10.052.984.654	10.052.984.654	19.199.914.458	19.199.914.458
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.052.984.654	10.052.984.654	19.199.914.458	19.199.914.458
+ Dự án khảo nghiệm giống khóm MD2 tại tỉnh Hậu Giang và tỉnh Kiên Giang (i)	1.945.823.278	1.945.823.278	2.842.492.628	2.842.492.628
+ Dự án vườn ươm chồi khóm MD2 (ii)	8.107.161.376	8.107.161.376	16.357.421.830	16.357.421.830
	10.052.984.654	10.052.984.654	19.199.914.458	19.199.914.458

(i) Dự án khảo nghiệm giống khóm MD2 tại tỉnh Hậu Giang và tỉnh Kiên Giang với giá trị đầu tư sẽ được thu hồi theo giá trị sản lượng khóm MD2 từ dự án vườn ươm chồi khóm MD2 với giá trị 500 đồng/kg (là chi phí nghiên cứu tính trên sản phẩm thu vào) và giá trị sản lượng khóm mua vào thu hoạch từ chính dự án này.

(ii) Dự án vườn ươm chồi khóm MD2 đề phát triển vùng nguyên liệu khóm MD2 với giá trị đầu tư sẽ được thu hồi tương ứng với giá trị số lượng khóm bán ra cho người nông dân từ chính dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật, kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ HH khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2021	60.059.262.370	97.997.240.275	8.266.112.956	4.946.584.270	97.409.646	171.366.609.517
- Mua trong kỳ	633.201.819	2.972.499.857	1.066.627.273	98.847.702		4.771.176.651
- Thanh lý TSCĐ	-	(84.724.800)	-	(1.842.800.000)	-	(1.927.524.800)
31/12/2021	60.692.464.189	100.885.015.332	9.332.740.229	3.202.631.972	97.409.646	174.210.261.368
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2021	(34.178.912.342)	(46.552.157.206)	(6.131.776.555)	(3.061.309.838)	(97.409.646)	(90.021.565.587)
- Khấu hao trong năm	(5.492.130.227)	(8.553.569.610)	(677.231.177)	(381.704.403)	-	(15.104.635.417)
- Thanh lý TSCĐ	-	84.724.800	-	1.842.800.000	-	1.927.524.800
31/12/2021	(39.671.042.569)	(55.021.002.016)	(6.809.007.732)	(1.600.214.241)	(97.409.646)	(103.198.676.204)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2021	25.880.350.028	51.445.083.069	2.134.336.401	1.885.274.432	-	81.345.043.930
31/12/2021	21.021.421.620	45.864.013.316	2.523.732.497	1.602.417.731	-	71.011.585.164

Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.312.979.439 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 28.178.696.830 đồng).

Giá trị TSCĐ còn lại tại 31/12/2021 dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 25.907.189.248 đồng (tại ngày 01/01/2021 là 30.259.980.082 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT
KHẨU MIỀN TÂY**Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV
4, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2021	10.974.511.726	10.974.511.726
31/12/2021	10.974.511.726	10.974.511.726
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
01/01/2021	(63.472.857)	(63.472.857)
- Khấu hao trong năm	(253.891.428)	(253.891.428)
31/12/2021	(317.364.285)	(317.364.285)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2021	10.911.038.869	10.911.038.869
31/12/2021	10.657.147.441	10.657.147.441

Tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất là giá trị nhận góp vốn của Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ từ tháng 06/2003 nhưng đến nay vẫn chưa hoàn thành thủ tục sang tên cho Công ty (vẫn đang đứng tên Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ). Hiện tại, hai bên vẫn đang tiến hành các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc cập nhật tên chủ sở hữu là tên Công ty trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty chưa phân bổ chi phí đối với Quyền sử dụng đất có thời hạn này. Chi tiết về mảnh đất được góp vốn bao gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận số 03/QSĐĐ ngày 03/12/2001 có diện tích đất sử dụng là 6.417,5 m², trong đó diện tích 6.145 m² (SKC) có thời hạn sử dụng đất từ 06/03/2007 đến ngày 06/03/2057.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận số 04/QSĐĐ ngày 10/12/2001 có diện tích đất sử dụng là 3.167 m², trong đó diện tích 2.616 m² (SKC) có thời hạn sử dụng đất từ 06/03/2007 đến ngày 06/03/2057.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận số 05/QSĐĐ ngày 10/12/2001 có diện tích đất sử dụng là 2.091 m², trong đó diện tích 1.726 m² (SKC) có thời hạn sử dụng đất từ 06/03/2007 đến ngày 06/03/2057.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BN 852829, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00908 do UBND TP. Cần Thơ cấp ngày 01/08/2013 là thửa đất số 86 được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và có diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh là 5754,1 m². Thời hạn sử dụng đến ngày 06/03/2057.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BN 852830, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT00910 do UBND TP. Cần Thơ cấp ngày 01/08/2013 là thửa đất số 76 được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và có diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh là 1483 m². Thời hạn sử dụng đến ngày 27/08/2058.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành: BI 425387, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CT000906 do UBND TP. Cần Thơ cấp ngày 01/08/2013 là thửa đất số 78 được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và có diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh là 943,8 m². Thời hạn sử dụng đến ngày 14/02/2058.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán	6.061.967.254	6.061.967.254	4.860.265.569	4.860.265.569
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	-	-	-	-
- Công ty TNHH Việt Nam Chuan Li Can	940.549.139	940.549.139	1.827.003.217	1.827.003.217
- VISO Packaging (Thailand) Limited	599.672.462	599.672.462	-	-
- Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	603.282.625	603.282.625	864.318.565	864.318.565
- Các nhà cung cấp khác	3.918.463.028	3.918.463.028	2.168.943.787	2.168.943.787
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	-	-	406.407.106	406.407.106
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	-	-	250.002.506	250.002.506
	-	-	156.404.600	156.404.600
	6.061.967.254	6.061.967.254	5.266.672.675	5.266.672.675
Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	-	-	156.404.600	156.404.600
- Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	-	-	250.002.506	250.002.506
	-	-	156.404.600	156.404.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU MIỀN TÂY

Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4, Phường An Bình,
Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Thuế và các khoản phải nộp

- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế tài nguyên
- Các loại thuế khác

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
	-	20.830.846	20.830.846	-
	-	15.949.981	15.949.981	-
	3.434.843.917	4.566.344.669	5.947.604.659	2.053.583.927
	117.379.754	368.319.439	473.887.175	11.812.018
	-	53.627.440	53.627.440	-
	-	3.000.000	3.000.000	-
	3.552.223.671	5.028.072.375	6.514.900.101	2.065.395.945

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
MIỀN TÂY**Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.907.613.115	756.767.725
- Global Village Fruit	264.117.055	264.117.055
- MD EUROTRADE LTD	271.855.650	-
- DAHU STRAWBERRY FARM	950.736.600	-
- BIDFOOD PROCUREMENT COMMUNITY LIMITED	408.313.440	-
- Các khách hàng khác	12.590.370	492.650.670
Dài hạn	-	-
	1.907.613.115	756.767.725

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.849.346.855	1.920.516.675
- Trích trước chi phí tiền điện	-	220.078.000
- Trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi, chiết khấu, thuê cửa hàng	806.514.411	-
- Trích trước chi phí xử lý vi sinh	460.847.730	333.591.606
- Trích trước chi phí thuê kho	183.879.914	130.668.826
- Các khoản trích trước khác	398.104.800	1.236.178.243
Dài hạn	-	-
	1.849.346.855	1.920.516.675

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn	1.194.010.218	1.696.615.763
- Kinh phí công đoàn	759.634.460	886.189.400
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	434.375.758	810.426.363
Dài hạn	-	-
	1.194.010.218	1.696.615.763

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị VND	trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	trả nợ VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	37.262.396.500	37.262.396.500	118.389.782.875	139.330.847.375	16.321.332.000	16.321.332.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (i)	37.262.396.500	37.262.396.500	103.610.202.875	124.551.267.375	16.321.332.000	16.321.332.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	-	-	14.779.580.000	14.779.580.000	-	-
<i>Vay dài hạn</i>	-	-	-	-	-	-
	37.262.396.500	37.262.396.500	118.389.782.875	139.330.847.375	16.321.332.000	16.321.332.000

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ là các khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 11/DN/HM/2021 ngày 02/02/2021 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 08/DN/CTD/2021 ngày 02/02/2021 với hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000.000 VND có thể rút vốn bằng Việt Nam Đồng hoặc Đô La Mỹ, thời hạn của hợp đồng là 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, lãi suất được thông báo theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng tài sản cố định của Công ty theo các Hợp đồng thế chấp số: 36/2016/VNCBCT ngày 09/08/2016, 34/2016/VNCBCT ngày 03/08/2016, 31/2016/VNCBCT ngày 14/07/2016, 30/2016/VNCBCT ngày 05/07/2016, 18/VNCBCT ngày 26/01/2016, 20/2013/VNCBCT ngày 29/03/2013, 19/VNCBCT ngày 26/01/2016, 29/2017/VNCBCT ngày 30/05/2017 như đã trình bày tại thuyết minh số 14. Số dư USD khoản vay tại ngày 31/12/2021 là 712.100 USD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
MIỀN TÂY**Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**22.1 Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế VND	Tổng cộng VND
01/01/2021	299.998.400.000	5.428.661.105	93.600.009.802	399.027.070.907
Lãi trong kỳ	-	-	19.573.847.185	19.573.847.185
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(371.248.906)	(371.248.906)
31/12/2021	<u>299.998.400.000</u>	<u>5.428.661.105</u>	<u>112.802.608.081</u>	<u>418.229.669.186</u>
01/01/2021	299.998.400.000	5.428.661.105	112.802.608.081	418.229.669.186
Tăng vốn trong năm (*)	2.469.000.000	-	-	2.469.000.000
Lãi trong năm	-	-	18.327.345.513	18.327.345.513
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	(3.187.886.214)	(3.187.886.214)
31/12/2021	<u>302.467.400.000</u>	<u>5.428.661.105</u>	<u>127.942.067.380</u>	<u>435.838.128.485</u>

(*) Theo Nghị quyết 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2021, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Công ty chào bán cổ phần riêng lẻ cho các nhà đầu tư để tăng vốn điều lệ.

(**) Công ty thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03.6/2019/NQ-ĐHĐCĐ.WFC ngày 03/06/2019 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2021.

22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	289.965.120.000	95,87%	289.965.120.000	96,66%
Các cổ đông khác	12.502.280.000	4,13%	10.033.280.000	3,34%
	<u>302.467.400.000</u>	<u>100%</u>	<u>299.998.400.000</u>	<u>100%</u>

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	299.998.400.000	299.998.400.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)	2.469.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	302.467.400.000	299.998.400.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

(*) Công ty sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi (nguồn được trích từ lợi nhuận sau thuế) để thanh toán tiền mua cổ phần chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư theo Nghị quyết 03/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
MIỀN TÂY**Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)****22.4 Cổ phiếu**

	Năm 2021	Năm 2020
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.246.740	29.999.840
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.246.740	29.999.840
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.246.740	29.999.840
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.246.740	29.999.840
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.246.740	29.999.840
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Doanh thu bán thành phẩm	279.239.192.119	292.731.731.146
- Doanh thu bán hàng hóa	-	556.235.665
	279.239.192.119	293.287.966.811

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Chiết khấu thương mại	162.175.598	-
- Hàng bán bị trả lại	135.398.378	957.602.669
	297.573.976	957.602.669

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	224.380.303.670	231.923.746.580
- Giá vốn của hàng hóa	-	471.155.919
- Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.328.680.959	(234.500.927)
	226.708.984.629	232.160.401.572

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
MIỀN TÂY**Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Lãi tiền gửi ngân hàng	28.320.949	1.555.366
- Lợi nhuận từ hợp tác đầu tư	3.366.417.187	2.053.422.962
- Lãi từ bán chứng khoán kinh doanh	7.995.310.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	406.442.290	596.205.958
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	623.093.528	-
	12.419.583.954	2.651.184.286

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi phí lãi vay	652.880.548	503.867.902
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	516.248.849	377.196.659
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.062.184.139)	303.150.847
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại chênh lệch cuối năm	-	40.461.753
- Các chi phí khác	323.994.800	-
	430.940.058	1.224.677.161

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi phí nhân viên	3.725.720.985	4.670.823.186
- Chi phí công cụ, dụng cụ	11.349.994	3.933.336
- Chi phí vận chuyển làm hàng	18.103.553.279	16.971.469.219
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.283.651.012	1.370.856.623
- Chi phí khác	3.275.437.799	3.155.476.782
	29.399.713.069	26.172.559.146

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	6.108.881.733	5.840.818.911
- Chi phí đồ dùng văn phòng	252.604.414	138.398.212
- Chi phí khấu hao TSCĐ	464.370.511	401.352.623
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Trích lập/Hoàn nhập dự phòng		(257.907.600)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.380.183.238	1.302.438.902
- Chi phí khác	3.837.581.225	5.303.366.743
	12.046.621.121	12.731.467.791

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
MIỀN TÂY**Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	35.000.000	1.818.182
- Tiền bồi thường hàng	64.552.132	346.650.000
- Thu nhập khác	24.764.816	303.147.344
	124.316.948	651.615.526

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	122.994.380.803	128.658.339.629
- Chi phí nhân công	56.159.674.511	70.174.910.920
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.024.792.152	14.888.490.673
- Hoàn nhập/Chi phí dự phòng	2.328.680.959	(257.907.600)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.144.800.875	38.769.456.535
- Chi phí bằng tiền khác	18.922.866.609	19.329.063.142
	256.575.195.909	271.562.353.299

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.893.690.182	23.339.709.806
Trong đó:		
- Lợi nhuận từ chế biến nông sản	10.786.299.324	21.199.589.150
- Thu nhập khác	12.107.390.858	2.140.120.656
Các khoản điều chỉnh tăng	767.806.912	845.876.090
Lỗi Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	113.334.637	6.734.534
Thù lao HĐQT và BKS	156.000.000	156.000.000
Các khoản chi phí không được trừ khác	498.472.275	683.141.556
Các khoản điều chỉnh giảm	6.734.534	-
Lỗi Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2020	6.734.534	-
Tổng thu nhập chịu thuế từ chế biến nông sản	11.547.371.702	22.045.465.240
Thuế suất	15%	15%
Tổng thu nhập chịu thuế từ thu nhập khác	12.107.390.858	2.140.120.656
Thuế suất	20%	20%
Thuế TNDN truy thu năm trước và bổ sung	412.760.742	31.018.704
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.566.344.669	3.765.862.621

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
MIỀN TÂY**Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC**33.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan của Công ty được công bố bao gồm:

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Cùng chung Công ty mẹ
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ của Công ty mẹ
6	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Cùng chung Công ty mẹ
7	Công ty Cổ phần FIT Consumer	Cùng chung Công ty mẹ
8	Công ty Cổ phần FIT Comestics	Công ty liên kết của Công ty mẹ
9	Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa	Cùng chung Công ty mẹ
10	Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Nhân sự chủ chốt

Giao dịch với bên liên quan:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	5.732.877	-
Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ		
Chi phí thuê kho bãi, tài sản	492.000.000	853.116.000
Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	21.602.000.000
Chuyển nhượng cổ phần	-	10.500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Phí tư vấn	-	909.100.020
Bán hàng	705.762.804	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	3.360.684.310	-
Hợp tác đầu tư	38.500.000.000	66.578.000.000
Thu hồi tiền hợp tác đầu tư	37.882.000.000	-
Công ty Cổ phần FIT Comestics		
Mua hàng hóa, dịch vụ	166.308.780	76.599.234
Công Ty Cổ Phần WESTFOOD Hậu Giang		
Cho vay	700.000.000	-
Lãi cho vay	25.407.123	-
Công ty Cổ phần nước khoáng Khánh Hòa		
Mua hàng hóa, dịch vụ	71.502.168	70.365.888

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU
MIỀN TÂY**Khu Công nghiệp Cái Sơn Hàng Bàng, đường Hoàng Quốc Việt, KV 4,
Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**33.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Số dư bên liên quan của Công ty:*

STT Công ty	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
1 Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T		
Phải thu Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	5.732.877	-
Hợp tác đầu tư	500.000.000	-
2 Công ty Cổ phần Vật tư kỹ thuật nông nghiệp Cần Thơ		
Phải trả người bán	-	156.404.600
3 Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam		
Phải thu Lợi nhuận từ hợp đồng hợp tác đầu tư	4.685.354.993	2.043.870.683
Hợp tác đầu tư	67.196.000.000	66.578.000.000
4 Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T		
Phải trả người bán	-	250.002.506
Phải thu khách hàng	-	-
5 Công Ty Cổ Phần WESTFOOD Hậu Giang		
Phải thu từ cho vay	700.000.000	-
Lãi dự thu	25.407.123	-

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lương, thưởng và các khoản thu nhập	2.415.007.490	1.198.645.670
	2.415.007.490	1.198.645.670

33.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 25 tháng 01 năm 2022Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởngCao Thi Thi
Người lập biểu